

## MỤC LỤC

Trang

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>1</b>
<b>DANH MỤC BẢNG .....</b>	<b>4</b>
<b>DANH MỤC HÌNH.....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....</b>	<b>5</b>
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở .....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	6
4.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu .....	6
4.2. Nguồn cung cấp điện .....	6
4.3. Nguồn cung cấp nước .....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	7
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	7
5.2. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường .....	7
<b>Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA cơ sở VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>9</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	9
<b>Chương III . KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>10</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	10
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	10
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	10
1.3. Xử lý nước thải .....	11
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	12
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	12
4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại .....	13

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	13
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	13
<b>Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>15</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	15
1.1. Nước thải sinh hoạt .....	15
1.2. Nước thải sản xuất.....	16
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	16
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	16
<b>Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>17</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	17
<b>Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>	<b>19</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	19
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật .....	19
<b>Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>20</b>
<b>Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>21</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>22</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
1	BTCT	Bê tông cốt thép
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	BYT	Bộ Y tế
5	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	CSPCTP	Cảnh sát phòng chống tội phạm
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	UBND	Ủy ban nhân dân

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở.....	7
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm.....	15
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm.....	16
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải .....	17
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí .....	17

## **CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở**

- Tên Chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Lê Công Phúc.
- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 1, Phường 1, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Lê Công Phúc - Chức vụ: Chủ cơ sở.
- Điện thoại: 0915.156.254
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30B8001759 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/4/2011, cấp đăng ký lần hai ngày 10/10/2012.
- Cơ sở đã được xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo Giấy xác nhận số 153 ngày 02/3/2017 của UBND thị xã Quảng Trị.

### **2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: Mua bán phế liệu, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy nông nghiệp.
- Địa điểm cơ sở: Khu phố 1, Phường 1, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 200.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công năm 2019, cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C. Cơ sở thuộc dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

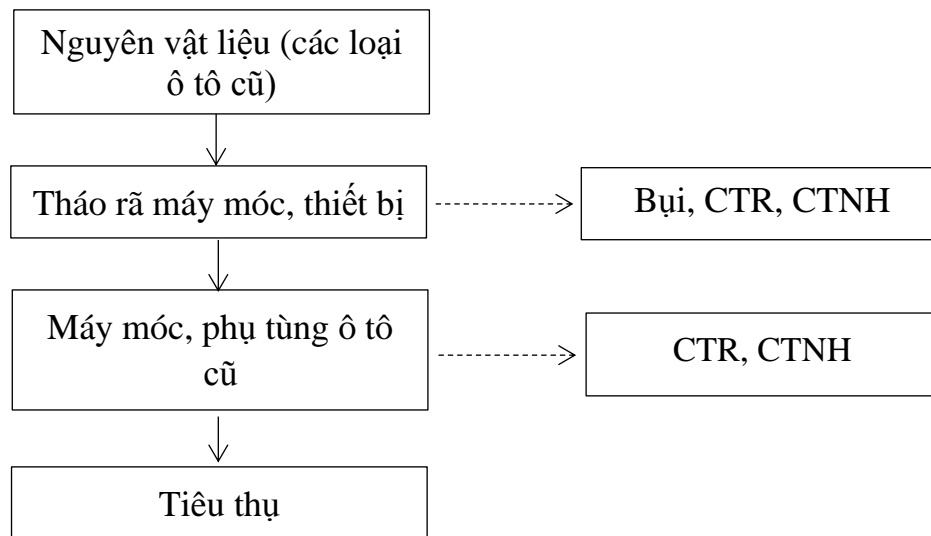
### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

Cơ sở thu mua khoảng 60 sản phẩm (phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp)/năm.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Hoạt động mua bán phế liệu, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy nông nghiệp của Cơ sở như sau:



**Hình 1.1. Quy trình hoạt động của Cơ sở**

***Thuyết minh quy trình:***

Các loại ô tô, máy móc nông nghiệp cũ được chủ Cơ sở thu mua trên địa bàn tập trung tại xưởng. Tiến hành lau chùi, vệ sinh, tháo rã máy móc, thiết bị và phân loại phụ tùng sau đó bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng.

**3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp cũ.

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**4.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu**

*\* Nhu cầu về nguyên liệu*

Cơ sở thu mua ô tô cũ, máy móc nông nghiệp cũ các loại với số lượng khoảng 60 chiếc/năm từ các cá nhân, tổ chức trên địa bàn để tháo rã, tách riêng các phụ tùng và bán lại cho người dân có nhu cầu.

*\* Nhu cầu về nhiên liệu*

Cơ sở không sử dụng nhiên liệu trong quá trình sản xuất và hoạt động.

**4.2. Nguồn cung cấp điện**

Điện phục vụ cho các hoạt động trong quá trình vận hành, chiếu sáng, sinh hoạt của Cơ sở khoảng 60 kW/tháng. Điện được sử dụng từ đường dây có sẵn trong khuôn viên Cơ sở, đấu nối vào trạm biến áp để cung cấp điện ổn định cho hoạt động sản xuất.

### **4.3. Nguồn cung cấp nước**

Lượng nước sử dụng được cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của CBCNV và hoạt động vệ sinh cơ sở. Báo cáo tiến hành tham khảo hóa đơn nước hàng tháng của cơ sở do Xí nghiệp Nước sạch Triệu Hải cấp. Qua đó cho thấy từ năm 2022 đến nay, lượng nước sử dụng cao nhất là khoảng 20m<sup>3</sup>/1 tháng. Vậy lượng nước sử dụng trong bình trong 1 ngày là 0,67 m<sup>3</sup>.

## **5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

### **5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Cơ sở có diện tích 559m<sup>2</sup> với quy mô hạng mục các công trình như sau:

**Bảng 1.1. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Hạng mục chính</b>	m <sup>2</sup>	<b>195</b>	
1	Nhà xưởng chứa máy móc, phụ tùng ô tô cũ	m <sup>2</sup>	95	Đã xây dựng
2	Khu vực tháo dỡ ô tô cũ	m <sup>2</sup>	100	
<b>II</b>	<b>Hạng mục phụ trợ</b>	m <sup>2</sup>	<b>229</b>	
1	Khu văn phòng, nhà ở	m <sup>2</sup>	180	Đã xây dựng
2	Sân đường nội bộ và hàng rào	m <sup>2</sup>	49	
<b>III</b>	<b>Hạng mục BVMT</b>	m <sup>2</sup>	<b>135</b>	
1	Nhà vệ sinh	m <sup>2</sup>	15	Đã xây dựng
2	Bể lắng 2 ngăn	m <sup>2</sup>	5	
3	Cây xanh	m <sup>2</sup>	115	Mới trồng được 1 phần
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>m<sup>2</sup></b>	<b>559</b>	

- Số lượng CBCNV trong Cơ sở: 3 người.

- Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2017.

### **5.2. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường**

#### *a. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa*

Hiện tại, Cơ sở chưa đầu tư hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trong khuôn viên. Phần lớn nước mưa chảy tràn sẽ theo hướng nghiêng của địa hình chảy thấm vào đất.

#### *b. Hệ thống xử lý nước thải*

*\* Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt của 3 CBCNV tại cơ sở được xử lý bằng hệ thống bể tự

---

*Chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Lê Công Phúc* *Trang 7*

hoạt 3 ngăn với thể tích 4m<sup>3</sup> đã được xây dựng ở góc phía Tây Bắc của cơ sở. Hệ thống nhà vệ sinh có kết cấu bê tông, nắp đậy đan bê tông cốt thép, đáp ứng nhu cầu hiện tại của CBCNV.

*\* Hệ thống xử lý nước thải sản xuất*

Nước thải từ quá trình vệ sinh khu nhà xưởng được thu gom bằng các rãnh thoát nước hở bằng bê tông ở góc phía Tây của cơ sở chảy về bể lắng, lọc có thể tích 2m<sup>3</sup> sau đó chảy thấm ra môi trường.

*c. Công trình và biện pháp xử lý khí thải*

Để giảm thiểu nguồn phát sinh bụi khí thải phát sinh từ hoạt động tháo dỡ xe ô tô cũ, chủ cơ sở đã tiến hành xây dựng khu nhà xưởng cao, có độ thông thoáng tự nhiên tốt nhằm tạo không gian thoáng mát, giảm nhiệt. Đồng thời, trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động cho CBCNV như: khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ,...

- Ngoài ra, chủ cơ sở còn thường xuyên vệ sinh nhà xưởng và thu gom các loại tạp chất, phụ phẩm rơi vãi để hạn chế tối đa phát tán vào không khí.

*d. Công trình và biện pháp xử lý CTR, CTNH*

*\* Đối với CTR thông thường*

- CTR sinh hoạt của 3 CBCNV được thu gom vào 1 sọt rác 50 lít đặt tại xưởng chứa máy móc, phụ tùng ô tô cũ và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Quảng Trị mang đi xử lý.

- Chất thải rắn có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton, ... sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

*\* Đối với CTNH*

CTNH phát sinh tại cơ sở được thu gom vào thùng phuy có nắp đậy, lưu trữ tại cơ sở.

Dự kiến trong thời gian tới, chủ Cơ sở sẽ kết hợp với các đơn vị, tổ chức có phát sinh CTNH trong khu vực hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.



## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Cơ sở đã được Phòng Tài chính Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể số 30B8001759.

Cơ sở đã được UBND thị xã Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 485, tờ bản đồ số 6.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải. Tuy nhiên, theo kết quả giám sát môi trường nước thải của cơ sở (*thể hiện rõ tại Chương V*) cho thấy kết quả quan trắc nước thải nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định. Điều đó cho thấy, hoạt động của cơ sở có tác động không lớn đến môi trường xung quanh.

### **CHƯƠNG III . KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

##### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Hiện tại, cơ sở đã xây dựng rãnh thoát nước mưa trước mặt Khu nhà xưởng để thu nước mưa từ mái nhà xưởng. Rãnh hở có chiều dài 5m, sâu 0,3m, sau khi thu gom. Chủ cơ sở thường xuyên thực hiện các biện pháp để bảo vệ môi trường đối với rãnh thoát nước mưa như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác, phế thải sản xuất xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống;
- Tránh tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vật liệu vào đường thoát nước;
- Nhắc nhở công nhân có ý thức trong việc thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải sản xuất.

##### **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

Cơ sở phát sinh nước thải từ hoạt động vệ sinh khu nhà xưởng, khu vực tháo rửa xe ô tô và sinh hoạt của CBCNV:

*\* Công trình thu gom nước thải:*

- Đối với nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng:
  - + Đối với loại hình tháo rửa, mua bán phụ tùng ô tô, nước thải phát sinh chủ yếu tại công đoạn vệ sinh khu vực nhà xưởng chủ yếu là dầu nhớt, bụi bẩn và các chất hữu cơ.
  - + Theo thực tế, lượng nước sử dụng để vệ sinh nhà xưởng, khu vực tháo rửa ô tô tại Cơ sở vào khoảng 1,5m<sup>3</sup>/1 lần vệ sinh. Định kỳ 1 tháng/1 lần, cơ sở sẽ tiến hành vệ sinh khu vực nhà xưởng, tương đương với lượng nước thải phát sinh từ quá trình này vào khoảng 1,5m<sup>3</sup>/1 lần. Đối với lượng nước thải này, chủ Cơ sở đã tiến hành xây dựng hệ thống rãnh hở có chiều dài 5m, sâu 0,3m, để thu gom vào bể lắng, lọc có kích thước: (2×1×1)m, thể tích 2m<sup>3</sup> để xử lý trước khi chảy thấm ra môi trường.
  - Đối với nước thải sinh hoạt:
    - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của CBCNV làm việc tại Cơ sở. Thành phần nước thải này chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (COD, BOD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật với lưu lượng khoảng 0,24m<sup>3</sup>/ngày.
    - + Tỷ lệ thải là 100% lượng nước cấp. Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát

sinh là 0,24m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng ống nhựa PVC D100 về hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích 4m<sup>3</sup> nằm ở phía Tây Bắc của cơ sở.

\* *Công trình thoát nước thải:*

- Từ hệ thống bể lắng, lọc của Cơ sở, nước thải sẽ chảy thắm ra môi trường. Dự kiến khi hệ thống thoát nước của khu vực được xây dựng theo đúng quy hoạch, nước thải phát sinh tại khu vực Dự án sẽ được đấu nối vào hệ thống này để thoát ra môi trường.

- Từ hầm tự hoại sau khi xử lý tự động ngấm ra môi trường.

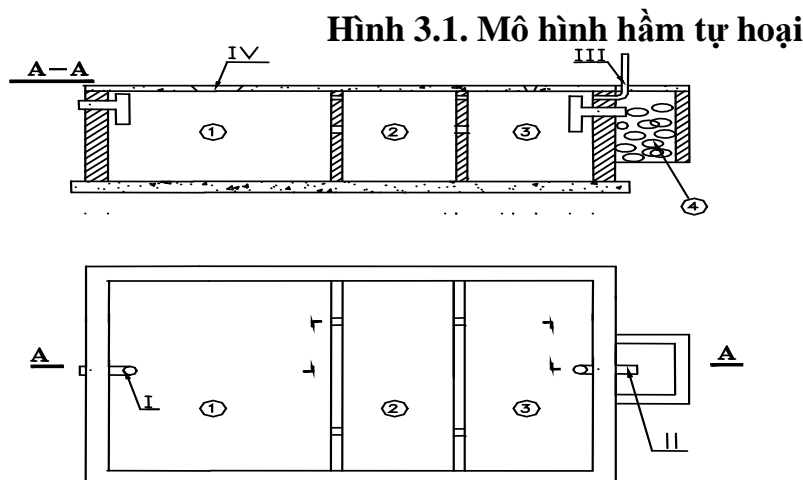
\* *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

Nước thải sản xuất sau khi xử lý đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó chảy thắm ra môi trường.

### 1.3. Xử lý nước thải

\* *Nước thải sinh hoạt*

Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn. Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Ghi chú :

- I- Ống nước vào
- II- Ống nước ra
- III- Ống thoát khí
- IV- Nắp vệ sinh
- 1. Ngăn chứa
- 2. Ngăn lên men
- 3. Ngăn lắng cặn

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$ . Trong đó:

$W_n$ : Thể tích phần nước của bể; (m<sup>3</sup>).

$W_c$ : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m<sup>3</sup>).

+ Trị số  $W_n$  có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh, ở đây chọn:  $W_n = 2Q_n = 2 \times 0,5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} = 1 \text{ m}^3$ .

+ Trị số  $W_c$  được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000]$  (m<sup>3</sup>). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ng.đ).

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

W<sub>1</sub>, W<sub>2</sub>: độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: W<sub>1</sub>=95%, W<sub>2</sub>=90%.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người mà bể phục vụ 3 người.

$$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 3] / [(100 - 90) \times 1.000] \approx 0,65 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại cần xây dựng là:  $1 + 1,23 = 2,23 \text{ m}^3$ . Như vậy, với nhà vệ sinh hiện tại là  $4 \text{ m}^3$  đặt tại góc phía Tây Bắc của cơ sở, đáp ứng nhu cầu hiện tại của CBCNV.

*\* Nước thải sản xuất:*

Để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường, Chủ cơ sở đã xây dựng bể vào bể lắng, lọc có kích thước: (2×1×1)m, thể tích 2m<sup>3</sup> đặt tại góc phía Đông của cơ sở, đảm bảo xử lý lượng nước thải phát sinh tại cơ sở. Nước sau khi xử lý sẽ chảy thấm ra môi trường. Dự kiến khi hệ thống thu gom và thoát nước thải của khu vực được xây dựng hoàn thiện, nước thải phát sinh tại Cơ sở sẽ đầu nối vào đường ống này để thoát ra môi trường.

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Nguồn phát sinh bụi khí thải phát sinh từ hoạt động tháo dỡ, vệ sinh thiết bị, phụ tùng. Để giảm thiểu tối đa lượng bụi và khí thải tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh và ảnh hưởng tới sức khỏe CBCNV, khách hàng và người dân sống lân cận khu vực cơ sở, Chủ cơ sở đã thực hiện những biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao, có độ thông thoáng tự nhiên tốt, có hệ thống thông gió nhằm tạo không gian thoáng mát, giảm nhiệt.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ,...
- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng và thu gom các loại tạp chất, phụ phẩm rơi vãi để hạn chế tối đa phát tán vào không khí.

Ngoài ra, trong thời gian tới, chủ Cơ sở sẽ trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên Dự án với diện tích 115m<sup>2</sup> nhằm góp phần điều hòa vi khí hậu, giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh.

## **3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

*\* CTR sinh hoạt:*

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 3 CBCNV. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ... Lượng

rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại cửa hàng khoảng 1,5 kg/ngày. Hiện tại Cơ sở đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton,... sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Hiện đã bố trí 01 sọt rác loại 50L đặt tại bên ngoài khu vực xưởng tháo dỡ để thu gom lượng chất thải phát sinh. Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Quảng Trị đưa đi xử lý định kỳ với tần suất 1 lần/ngày.

*\* CTR sản xuất thông thường*

Chất thải rắn sản xuất thông thường của cơ sở phát sinh gồm: Thiết bị, phụ tùng ô tô bị hỏng, bao bì nilon,... khối lượng phát sinh thực tế khoảng 5kg/ngày. Hiện tại Cơ sở đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Đối với chất thải rắn là phụ tùng ô tô bị hỏng, giấy bìa bọc ... sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Các chất thải còn lại sẽ hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Quảng Trị đưa đi xử lý định kỳ với tần suất 01 lần/ngày.

#### **4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại**

Qua khảo sát tại Cơ sở cho thấy thành phần CTNH phát sinh chủ yếu là dầu nhớt thải phát sinh khoảng 15 lít/tháng; giẻ lau dính dầu mỡ, thùng, bao bì đựng dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in có khối lượng phát sinh khoảng 3 kg/tháng. Công tác thu gom chất thải hiện tại của Cơ sở như sau:

+ Đối với chất thải là dầu nhớt thải đã được Chủ cơ sở thu gom vào thùng phuy loại 220L có nắp đậy và dán nhãn CTNH.

+ Đối với CTNH là giẻ lau dính dầu mỡ, thùng, bao bì đựng dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in hiện đang được thu gom vào thùng phuy loại 220L.

- Dự kiến trong thời gian tới Chủ Cơ sở sẽ tiến hành xây dựng kho CTNH có diện tích 1,5m<sup>2</sup>, có kết cấu bằng BTCT nằm ở góc phía Tây, đồng thời, phối hợp với các cơ sở phế liệu trong khu vực hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

#### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bố trí thời gian tháo, dỡ các thiết bị hợp lý;

- Sử dụng các dụng cụ chuyên dụng để tháo dỡ các phụ tùng ô tô.

#### **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

*\* Sự cố cháy nổ*

- Hệ thống cấp điện cho cơ sở và hệ thống chiếu sáng Chủ cơ sở đã thiết kế độ

lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch điện.

- Hiện tại Cơ sở chưa đã trang bị các bình cứu hỏa và lắp đặt các biển báo, nội quy về PCCC, bao gồm 10 bình bột chữa cháy MFZ<sub>4</sub> và 1 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC đặt tại các vị trí trong khu vực nhà xưởng.

- Định kỳ tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho CBCNV phương pháp PCCC.

\* *An toàn lao động*

- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động cho CBCNV.

- Đưa ra nội quy an toàn lao động cho công nhân khi làm việc.

- Trang bị bảo hộ cho công nhân và bắt buộc công nhân sử dụng các bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

## CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

#### 1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của 3 CBCNV.

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,24m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: Nước thải sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn đạt cột B (K=1,2) của QCVN 14:2008/BTNMT sẽ tự thấm ra môi trường. Phần cặn còn lại định kỳ khoảng 2 năm/lần thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Quảng Trị hút và đưa đi xử lý.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải:

Chất lượng môi trường nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt cột B (K=1,2) của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn như sau:

**Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	TDS	mg/l	120
5	H <sub>2</sub> S	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý, tự động ngấm ra môi trường. Tọa độ: X: 1.851.440m; Y: 599.484m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

## **1.2. Nước thải sản xuất**

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng.

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 1,5m<sup>3</sup>/ngày.đêm (1 tháng vệ sinh 1 lần).

- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý ở bể lắng, lọc đạt cột B (Kq=0,9; Kf=1,2) của QCVN 40:2011/BTNMT chảy thấm ra môi trường ở Phường 1, thị xã Quảng Trị. Dự kiến khi hệ thống thu gom nước thải của khu vực được đầu tư xây dựng, nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ đầu nối vào hệ thống này để thoát ra môi trường.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải:

Chất lượng môi trường nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt cột B (Kq=0,9; Kf=1,2) của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Nồng độ các chất ô nhiễm được tính toán như sau:

**Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kq=0,9, Kf=1,2)</b>
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	54
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108
4	Sunfua	mg/l	0,54
5	Dầu mỡ	mg/l	10,8
6	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý, tự thấm ra môi trường. Tọa độ: X: 1.851.418m; Y: 599.491m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

## **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

Không có

## **3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông. Tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và không thường xuyên. Do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.



## CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Từ khi đi vào hoạt động cho đến nay, Cơ sở không thực hiện giám sát chất lượng môi trường. Do đó, ngày 07/7/2023, Chủ cơ sở đã phối hợp với Trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế tiến hành lấy và phân tích đánh giá chất lượng nước thải sau khu qua bể lắng, lọc tại Cơ sở. Kết quả như sau:

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ sau xử lý (mg/l)	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kq=0,9,Kf=1,2)
1	pH	-	6,7	5,5-9
2	TSS	mg/l	86,5	54
4	COD	mg/l	81,6	162
5	Tổng dầu, mỡ	mg/l	7,2	10,8

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra của bể xử lý nước thải;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy định kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nhận xét: Tại thời điểm quan trắc, tất cả các thông số chất lượng môi trường nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép cột B (Kq=0,9,Kf=1,2) của QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

**Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc	QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ)
1	Độ ồn	dB(A)	67,2	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ	°C	34,2	-
3	Độ ẩm	%	53,1	-
4	Tốc độ gió	m/s	0,6	-
5	Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	194,5	300
6	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	41,9	200
7	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	46,7	350
8	CO	µg/m <sup>3</sup>	6.390	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT Cơ sở: Mua bán phế liệu, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy nông nghiệp**

- <sup>(1)</sup>: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

- (-): Quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: Kết quả quan trắc ở bảng trên cho thấy, tất cả các thông số đánh giá hiện trạng chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn tại các thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

## **CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2017 với công suất tháo dỡ xe trung bình khoảng 60 xe/năm. Qua các kết quả quan trắc chất lượng nước thải của cơ sở tại bảng 5.1 cho thấy tất cả các thông số trước khi xả ra môi trường đều đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Do đó, cơ sở không đề xuất vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật**

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

## **CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Cơ sở Mua bán phế liệu, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy nông nghiệp đi vào hoạt động từ năm 2017 đến nay chưa có bất kỳ đợt thanh tra, kiểm tra nào của các đơn vị có chức năng liên quan.

## **CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường.

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành

- Chúng tôi cam kết sẽ xử lý nước thải đảm bảo đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Hồ sơ về đất đai;
- Bản vẽ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường;
- Phiếu kết quả quan trắc.